NĂM THỨ NĂM SỐ 204 Thứ năm, 13 tháng chín 1948

TRUNG BẮC TÂN VĂN

1 $ 20

CÓ TINH THẦN CHIẾN ĐẤU KIÊN QUYẾT THÌ KHÔNG GÌ ĐÁNG SỢ

Biết phòng xa thì cai trị người,
Không biết phòng xa thì người cai trị.
(Diêm Thiết Luận)

LONG-DIỀN

Xét ra ở đời, không có việc gì đáng sợ, mà cũng không có việc gì không đáng sợ.

Sự đáng sợ, hay không đáng sợ, do tình thế, hoàn cảnh, nhân tâm mà biến đổi đi nhiều.

Như người quân tử không sợ miệng hổ, mà sợ miệng kẻ dèm pha;

Như con voi to, mà sợ đàn kiến nhỏ;

Như ta sợ cái bụi bé, bay vào mắt;

Đến như trong thời Pháp thuộc, quân thực dân, sợ đến cả những lời « yêu nước thương nòi ».

Việc đời, thường cái nhỏ chế thắng được cái nhớn.

Xem như cuộc chiến tranh mới đây, khí giới tối tân, tưởng không gì ngăn cản được, thế mà, chỉ có một tinh thần chiến đấu kiên quyết (kiên là phải có kiên gan bền chí theo đuổi; — quyết là quả quyết tin tưởng vào sự thành công) đem ra đối phó, mà thắng lợi được súng bom.

Ấy là dân tộc Trung Hoa đó.

Đến như nước ta ngày nay, một số thực dân Pháp lạc hậu, vẫn còn tham vọng, vì thế, ta cần phải tổ chức dân quân hợp lực với Chính Phủ đương thời, để dập tắt ngọn lửa tham tàn của những quân hại nhân ích kỷ.

Trong khi tổ chức, ta chưa mua đúc được súng đạn đầy đủ, nhiều đồng bào lo tính về việc đó; cũng phải, nhưng, mua đúc được sớm thì càng hay, mà chưa mua đúc được kịp, xét ra, cũng không đáng ngại.

Phàm việc, chính vẫn hơn tà, ngay vẫn hơn gian, nên kẻ trộm chỉ đi đêm, kẻ cướp chỉ lẩn lút.

Ta chiến đấu để bảo vệ giống nòi, gìn giữ đất nước, đó là lẽ chính.

Còn kẻ kia dù có lắm le, lắm le chém đoạt của người, dù có hung hăng, hung hăng bóc lột dân chúng, toàn là thủ đoạn án cướp gian tà, cho nên Đồng-Minh đã tuyên bố không cho họ thực hành cái dã tâm khốn nạn ấy.

Chính họ cũng đã nói ra.

Ấy là lẽ về lý chính thì thế.

Nhưng, con thiêu-thân, nếu biết vào lửa, tất bị cháy, thì đã chả vào

Con hổ, nếu biết lợn ở trong cạm, thì đã không lăn vào cạm;

Con cá nếu biết mồi ở lưỡi câu, thì đã không cắn.

Sở dĩ, con thiêu-thân bị cháy, con hổ bị bắt, con cá bị câu đều là vì ngu và tham cả.

Một số thực-dân Pháp ngu và tham, không thông cái lý chính như trên, cứ sấn vào lửa, lăn vào cạm, thì tất nhiên ta phải đối phó.

Việc đối phó về quân-sự chuyên môn ra sao, tất các nhà cao cấp Cách-mệnh Dân-quân đã có chủ trương, đây tôi chỉ nói qua mấy lý-do để độc-giả hiểu đại ý cho thêm vững trái tấm lòng tin tưởng.

Bằng cả một tinh thần chiến đấu kiên quyết, thì dù chúng có nhiều súng đạn hơn ta, họ cũng không thể làm gì ta được, vì mấy lý-do này:

1° — ĐÔNG: — Xưa nay, bao giờ ít cũng phải thua nhiều, cái lý đương nhiên là thế. Một con hổ mạnh dữ, giữa đám quần hổ cũng phải chịu kém (nhất hổ bất nhu quần hổ) Một người sức khỏe dẻo dai, cũng không địch được nhiều người (quả bất địch chúng).

(Xem tiếp trang 4)

Cuộc hội đàm của các nhà báo với

ÔNG BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC GIA GIÁO DỤC

Từ nay việc học sẽ bó buộc. Trong hạn 1 năm trẻ con trên 8 tuổi sẽ phải biết đọc và biết viết — Bãi bỏ ngạch học quan — Sẽ mở những lớp học bình dân — Ban tiểu học vẫn 6 năm như cũ

PHẠM-MẠNH PHAN

SÁNG thứ sáu 7-9-1945 tại bộ Quốc gia giáo dục đặ ở nha học chính cũ có cuộc hội đàm của ông bộ trưởng bộ Quốc gia giáo dục Vũ đình Hoè với các đại biểu của các báo hàng ngày và hàng tuần.

Thoạt tiên ông bộ trưởng với chiếc cười thân mật, *nhận bọ* với các bạn làng văn.

— Thưa các bạn và các ngài, trước trong khi làm báo tôi đã được cùng các bạn và các ngài gặp mặt. Vậy đối với tôi không phải là chỗ xa lạ... Nay tôi mời các bạn và các ngài tới đây để thay mặt chính phủ tuyên bố với các ngài một chương trình mới về việc *Cải cách giáo dục của nước Việt nam độc lập theo chủ nghĩa dân chủ cộng hòa.*

Ông Hoè nói tới đây hơi ngừng một chút. Ngồi nghe tôi thấy hơi là lạ khi thấy ông Hoè bảo là không xa lạ, vì buổi nay tôi thấy ông rất trịnh trọng lời nói và cử chỉ nhường như ngượng nghịu với các đồng nghiệp của ông khi trước mà ông vừa tạm biệt để đáp theo tiếng gọi của tài năng... Tôi thoáng nhìn ông Đỗ đức Dục, đồng lý văn phòng của ông bộ trưởng ngồi có vẻ bẽn lẽn ở đầu bàn tự nhiên thấy « rút lui » đâu mất!

***

Sau vài lời lên án cái học trong hồi pháp thuộc đã gây nên *một hạng người hám danh vụ lợi* làm mất tư cách con người ông bộ trưởng nói tới nguyên tắc đại cương của nền học mới là *nền học của một nước độc lập* cốt mở mang lý trí, rèn óc tự cường, làm phát triển tài năng cá nhân đến tột bực, rèn luyện tinh khí gây nên một hạng thanh niên mạnh mẽ về thể sác và tâm hồn có gan dạ lợi cho mình và cho Đoàn thể.

Theo ông bộ trưởng thì nền giáo dục mới sẽ không phụng sự học thuật mà phụng sự đời sống. Nó có *tính cách thực dụng chuyên nghiệp và chuyên môn* để đào tạo nên một hạng thanh niên hoạt động ích cho sự thực hiện công cuộc kiến thiết quốc gia nhất là về canh nông và kỹ nghệ.

Cái nhược điểm của ta là mơ hồ xa thực tế. Cái học mới sẽ tôn thờ *tinh thần khoa học*, gây cho thanh niên có óc phê bình, óc phân tích và tổng quát cùng óc thực tế.

(Xem tiếp trang 18

CHIẾN ĐẤU !

(Tiếp theo trang 3)

Súng có tầm, mà đạn có hạn : súng đạn mà quá tầm thì hóa ra vô dụng. Vả lại súng chỉ bắn được mặt trước, không bắn được xung quanh bốn phía ; vậy trước trường hợp đó, ta có đông người cứ cảm-tử lăn xả cả vào quá tầm súng, lại xúm xung quanh và lấy thây người chết trước lấm mộc đỡ người sống sau mà cứ hăng hái quyết chiến thì súng đạn bao nhiêu cũng không địch nổi.

Vậy, lúc lâm sự, bổn phận quốc dân là phải hăng hái tham gia vào đội cho đông, người đến tuổi vào hàng ngũ để giữ gìn đất nước, kẻ già lão, tùy tài tùy lực giúp đỡ Chính-Phủ để ngăn cản cuộc xâm lăng, nhất dân quốc dân tham dự vào việc cứu nạn nước, lấy nghĩa tổ-quốc làm trọng, gác bổ phận sự gia đình ra bên.

Cụ Phan-Đình-Phùng đã nói với Chư tướng :

— Tôi từ khi cùng với chư-tướng khởi binh, đã có chủ tâm là « bỏ cả việc gia-đình quê quán ra ngoài không nghĩ gì đến nữa. Nay tôi chỉ có một gia-đình rất lớn nên giữ, là đất nước Việt-Nam, tôi chỉ có một công anh rất to nên cứu, là mấy mươi triệu đồng-bào.

Nếu ai ai cũng rõ phận sự lúc này là thế, thì lo chi mà chả đánh đuổi được bọn thực-dân.

2. — DŨNG-CẢM : — Tức là tinh-thần mạnh mẽ. Do lòng ham muốn mà có tinh thần mạnh mẽ. Từ việc nhỏ đến việc to, tỉ lòng ham muốn càng hăng hái bao nhiêu, tinh thần càng mạnh mẽ bấy nhiêu.

Ta phải tin ở ta, tin rất mạnh mẽ, tin rất hăng hái vào những ý ta muốn. Không bao giờ có việc gì ta không muốn mà thành công được.

Một toán quân mà ai ai cũng một lòng ham muốn quyết chiến để bảo vệ non sông, tức là sẵn lòng dũng-cảm, thì dù quân thưa, khí giới ít, cũng thắng được quân thù.

Ta thường thấy những bực đại tướng cầm quân hay dùng cách phá hủy kiều lộ, đoạn tuyệt lối về, thề không trở lại, để khích thích tinh thần quyết chiến của ba quân.

Một tên giặc có súng ở tay, đứng trước một tráng sỹ có dũng cảm, có khi súng chưa kịp bắn, mà thân đã bị cùm. Như mới đây trong truyền, một bọn dám ba người cảnh binh đến khám một nhà Pháp. Tên giặc liền lấy súng lục ra chực bắn, thì một người lanh lẹ cúi rạp ngay xuống lăn xả đạp ngay vào bụng tên giặc ngã ngửa ra : trong khi đó viên đạn bắn thẳng vào tường, không ai bị thương cả. Tên giặc liền bị bắt.

Người nào cũng sẵn ông ham muốn gìn giữ đất đai Tổ-quốc thì tinh thần dũng cảm mạnh mẽ vô cùng. Những kẻ xâm lăng có đến cũng khó lòng vào nổi.

3. — ĐOÀN KẾT : — Phàm ở đời, không đoàn kết không tự sống được, phương chi, trong việc chiến đấu, mà không đoàn kết thì chế thắng sao được quân thù. Tạo hóa đã bày cho ta nhiều bài học về đoàn kết, nếu ta để ý nhận xét, thì thấy ngay không đoàn kết là tự đem mình nộp cho kẻ địch.

Kỳ nhau không gì bằng nước với lửa, thế mà khéo đoàn kết đem lửa dùng đun nước, được lắm lợi biết chừng nào. Như trong thân thể ta, nếu không có dây thần kinh liên lạc đoàn kết các cơ quan, thì thân ta chỉ là một cây thịt vô dụng.

Trong vũ trụ, từ việc nhỏ đến việc lớn, không đoàn kết không thành được việc gì.

Chiến đấu để mưu cuộc sống còn của nòi giống, để gìn giữ non sông là một sự rất hệ trọng và chính đáng ; vậy ta phải sát cánh nhau, đứng cho vững, trụ cho gan, đoàn kết cho chặt chẽ thì giặc dù có súng nhiều đạn lắm bao nhiêu, cũng không thể phá nổi cái thành người của quân ta bố trí. Vả chăng trước khi đến xâm chiếm giặc họ cũng phải cho do thám để xem xét dân tâm, nếu biết ta sẵn có tinh thần đoàn kết mãnh liệt, thì họ đã khiếp phục mà chả dám mang thân đến nộp.

***

Nói tóm lại, muốn là được.

Còn, mất; được, thua, là tự ta cả.

Quân ta đã đông, có sẵn tinh thần dũng cảm, lại biết đoàn kết không chia rẽ, thì súng to đạn lớn, mà đã làm gì ?

Hãy xem lịch sử, gương kia còn tỏ :

Năm 1904, việc xin thuế ở Quảng Nam, dân chúng cứ kéo nhau từng đàn ra kêu xin giảm thuế ở cửa

toà sứ, đứng suốt đêm ngày, nằm ngổn ngang cả ra đường phố. Quân Pháp, đem súng ra dọa nạt, vì thấy dân nhiều, có tinh thần dũng cảm hăng hái, bảo nhau đoàn kết thành một khối đông đặc, càng bắn càng làm cho dân chí hăng thêm, nên không giám làm gì, đành phải thác thủ đấu dịu.

Đó là vì đông mà thắng.

Lại năm 1888 ông Cao-Thắng một kiện tướng của cụ Phan đình Phùng chỉ có một toán dân quân mới mộ, súng thì súng cũ đạn bắn ra nổ không mạnh, đi không xa, lại số súng cũng không có mấy. Ông vẫn muốn đoạt được ít súng mới của Tây để làm mẫu bắt chước đúc; nhân có người mách, biết sẽ có một toán ngót 20 lính tây đủ súng ống đạn dược, đài tải tiền lương đi qua làng Phồ-Châu (chính là huyện lỵ Hương-Sơn bây giờ thuộc tỉnh Hà Tĩnh) Ông bèn mang vài mươi tráng-sỹ dũng cảm, cầm đoản đao dùng lối « xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị » tức như lối đánh du-kích ngày nay, nấp hai bên đường đợi lấy toán lính đi qua bất thần sồ ra, cứ mỗi tráng sỹ sả một tên lính Pháp, thành-thử quân Pháp có súng mà không kịp bắn, rở tay không được; trong một lúc mà ông giết được cả 17 người, 2 bên-cường Pháp với 15 tên lính, lấy được cả 17 khẩu súng với 600 viên đạn cùng mấy ngàn bạc một cách dễ dàng, không một tên quân bị thương.

Đó là vì dũng cảm mà thắng.

> Vàng do chúng ta mang đến quỹ Độc Lập.
> Sẽ giúp cho nước Việt-Nam được độc lập.
> Sẽ chặn đường bọn xâm lăng.

Lại năm 1917, cuộc khởi-nghĩa ở Thái-nguyên làm rung động cả toàn quốc, vì xưa nay ít có những cuộc khởi nghĩa anh-dũng như vậy.

Kể ra những cuộc phá ngục, ở đâu cũng có, nhưng đều là việc làm ở ngoài vào chứ từng có những vụ tù tự phá ngục mà ra được, vì đã là tù mà lại là tù trọng phạm, thì bị cùm nhốt trói buộc mỗi người một nơi, chứ đâu có được tự do hành-động tuyên truyền mà làm việc khởi nghĩa.

Cuộc biến Thái-Nguyên lại hoàn toàn ở trong ngục ra, vì trong bọn có nhiều tay viện-trợ ở, như ông Lương ngọc Quyến (con cụ Lương văn Can), một nhà đông học mấy vị thủ lạ của cụ Đề-Thám và mấy vị võ-biền lắm chủ động. Cũng tay bị cùm kẻ giới binh lính không có, nguyện ứng hậu-thuận đều vì ông chỉ hăng sự đoàn kết chặt chẽ với nhau mà phá được ngục chiếm giữ tỉnh được 7 ngày, kể là một cuộc khởi nghĩa cổ kim ít có, cho nên cụ Tạp Xuyên Ngô đức Kế một nhà trí sỹ, khi ấy bị đầy ở Côn Lôn nghe được chuyện, lấy làm thích, có ghi chép làm bài ký gọi là « Thái Nguyên thất nhật quang phục ký ».

Ở ngoài thong thả ra vào, mà lo mưu sự khởi nghĩa để trống với cương quyền, thực hiện được lâu, đã gặp muôn vàn cái khó.

Chỉ nhu như trong ngục tối, chân tay cùm cặp, mồm miệng buộc dàm thế mà cảm hóa được lòng người, đoàn kết được bè đảng, khởi xướng được cuộc cách mệnh, đàn áp được kẻ thù, dù có thắng lợi được một giờ cũng đã là thủ, là giỏi. Phương chi, hậu thuận không, ngoại ứng không, mà cũng sống được? Ngày ở dưới ánh sáng mặt trời tự do, thật là thủ đoạn anh hùng hiếm có.

Tỏ mới biết cái sức mạnh đoàn kết vô cùng mãnh liệt.

Đó là vì đoàn kết mà thắng.

Xét tình thế, hoàn cảnh, nhân tâm, ta có thể tin chắc là dân ta sẽ đạt được mục đích. Vậy ta phải làm việc cho nhiều, hiểu biết cho rộng, tin tưởng cho mạnh, để đối phó với thời cục, và hằng ngày, ai ai cũng nên tâm tâm niệm niệm nhớ đến sự chống bọn thực-dân, củng cố nền độc-lập và luôn nhớ rằng:

Bốn nghìn lẻ, năm nay có nước,
Bức thiên thư định trước rành rành,
Thánh hiền, hào kiệt, đời sinh,
Cầm quyền tự-chủ một mình cõi Nam.

(Đàm-Xuyên)

LONG-ĐIỀN

Pháp và Việt-nam

NƯỚC NÀO ĐÁNG BẢO TRỢ CHO NƯỚC NÀO ?

TỪ sau khi hồi Âu chiến 1914-18, chính phủ Pháp có cái nhã ý xin một vài thị trấn Đông-Dương nhận làm « mẹ nuôi » cho một vài thị trấn Pháp, cho đến gần đây, tất cả có đến bảy tám thị trấn Đông Dương có « con nuôi » ở bên Pháp.

Làm « mẹ nuôi » cho các thị trấn Pháp, các thị-trấn Đông Dương có cái vinh dự to tát ấy, thì cũng lại có một cái trách nhiệm nặng nề, đúng như một người mẹ nuôi đối với con nuôi. Khi đó phải cho ăn, khi khát phải cho uống, khi rét phải cho mặc, lại khi ốm đau phải thuốc thang nâng đỡ;

Người mẹ nuôi đối với con nuôi, chỉ là cá nhân đối với cá nhân, mà trách trách đã phải nặng nề thay phải giàu lòng nhẫn nại, nhân từ, thì mới dám đảm đương việc đó. Vì rằng nếu không nhân từ thì ai dại gì cái ách giữa đàng đem quàng vào cổ ? Còn nếu không có đức tính nhẫn nại thì dù muốn thì thế lòng nhân từ mà cũng không làm nổi.

Đối với cá nhân đã là khó, mà đối với đoàn thể lại còn khó hơn. Yêu đương, chu cấp, bảo vệ, một cá nhân thì dễ, chứ yêu đương chu cấp bảo vệ một dân tộc không phải là chuyện dễ.

Đối với các thị trấn Pháp « con nuôi » của ta, các thị trấn ta được cái vinh dự hằng năm, đến ngày tết nguyên đán, nhận được một bản chúc từ của con nuôi, tỏ lòng kính yêu, biết ơn, và khẩn khoản « mẹ nuôi » đừng đem con bỏ chợ. Song trước khi có quyền được nhận bản chúc từ như thế, ta phải ăn ở thế nào cho « con nuôi » kính yêu ta, ta phải thân yêu trước; cho con nuôi biết ơn ta, ta phải ơn trước; « con nuôi » ta khẩn khoản ta đừng bỏ, là « con nuôi » ta đã nhận thấy rằng nếu ta bỏ thì bơ vơ. Ta đã ăn ở ra một người « mẹ nuôi » đầy đủ đức tính tốt là một người « mẹ nuôi » hoàn toàn.

Việc đó không phải dễ. Vì như trên kia đã nói, sứng đáng làm « mẹ nuôi » một đoàn thể, một dân tộc, là một nhiệm vụ nặng nề. Mà đối với dân tộc Pháp, là một dân tộc có một nền văn minh rực rỡ ở Tây phương, thì cái nhiệm vụ lại càng nặng nề hơn nhiều.

Vả lại khi một người nhận một người khác làm « mẹ nuôi » mình, thì người đó hẳn cũng đã nhận chân rằng cái người sắp làm « mẹ nuôi » mình đó có đủ điều kiện cho mình nhờ vả. Một cá nhân như thế, một dân tộc cũng như thế. Các thị trấn pháp đã nhận các thị trấn ta làm « mẹ nuôi » thì hẳn là họ đã nhận chân thấy chỗ ta có đủ điều kiện để bảo vệ cho họ.

Mà ta đủ điều kiện thực, vì hằng năm ta đã vẫn nhận được thư tỏ tình biết ơn của các « con nuôi » ta.

Trái lại, nước Pháp có cái nhiệm vụ bảo vệ cho nước Việt mà cuối năm 1940 quân độ nhật đổ bộ ở gần Đồ Sơn, quân độ pháp chưa danh đã bàng, Đủ tỏ rằng nước Pháp ngày nay không đủ điều kiện để bảo vệ cho nước ta nữa.

Đằng này, ta đã đủ điều kiện để làm « mẹ nuôi » cho bảy tám thị trấn pháp.

NAM PHƯƠNG PHẬT

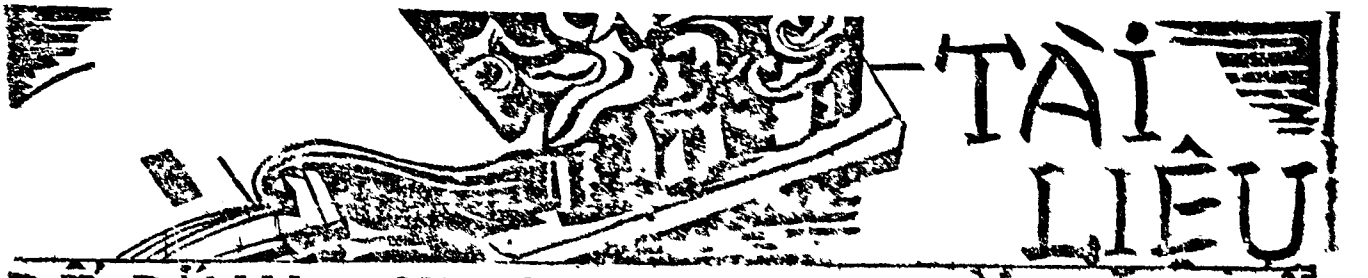

ĐỂ ĐÍNH CHÍNH NHỮNG BÀI VĂN CỔ

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều

(bài nối)

Hồi thứ tư

Kim Trọng nghe tiếng gõ cửa, tưởng Thúy-Kiều về khỏi, mới ra mở cửa, thì thấy thư-đồng báo rằng : Chủ hai tạ thế ở Liêu - dương, lão-gia (người đen là bố già, tiếng tôn - qui của Tàu) bảo tôi đi gọi công tử về để hộ, tang, xin công-tử về ngay ». Kim-Trọng nghe tin, cho thư - đồng về trước, vội vàng chui qua giả - sơn ra mặt Thúy-Kiều. Lúc bấy giờ Thúy-Kiều vẫn còn ở vườn sau. Kim-Trọng nói : « Chẳng may chú tôi mất ở Liêu-dương, thân - phụ tôi gọi về hộ tang, nói rằng hành - lý đã sắm sửa sẵn sàng, sớm mai thì lên đường ». Kim-Trọng vừa nói vừa có vẻ buồn- rầu, lại nói rằng : « Vừa mới gặp nhau, lại phải ly-biệt, thật là nát gan đứt ruột ! Làm thế nào bây giờ ? » Thúy - Kiều nghe nói lấy làm sửng - sốt bồi-hồi, nhưng sợ Kim - Trọng đau đớn buồn rầu quá, nên yên - ủi mà nói rằng : « Đặc nam-nữ chí ở bốn phương, hà vi cộ nhi - nữ thường tình, mà lưu - liên không đi nữa ! Bây giờ anh có đi sớm về sớm là hay hơn ». Nói rồi, hai bàng lã chã. Kim - Trọng cũng nức nở gạt ngang. Hai bên đang tự tình ly-biệt, thì thư-đồng đến gõ cửa giục đi. Kim-Trọng đành lau nước mắt mà từ-biệt. Vội vàng về nhà trọ, tuấn ngựa đã thắng yên hành-lý đã sẵn sàng, đang đợi ngoài cửa. Kim - Trọng bèn theo thân-phụ đi tới Liêu-dương... Việc ấy tạm gác, không nói vội.

Nói đến Thúy - Kiều thấy Kim-Trọng đi khỏi, bèn đi tìm một cái quạt, đẩy cửa, tới chỗ giả - sơn che lấp cái lối vẫn qua lại, rồi trở về trong phòng, ngồi ngẩy ra cho đến gần trưa, nghe tiếng cha mẹ gõ cửa, mới dứng dậy mở cửa. Cả bài ông bà viên ngoại cùng vào trong phòng, nói rằng : « Thúy-Kiều con ơi ! Ta sợ có tai va đến nơi rồi ! Nguyên trong nhà chú-dượng con, có chứa hai thằng bán tơ kêu hiệu nó bán tơ mua ngựa thế nào, bây giờ nguyên - chủ nó nhận được của chúng nó buộc cho chú - dượng mày là oa - gia. Ta có ngồi uống rượu với nó vài lần, chỉ sợ nó hãm hại mình nó tiêu xong thì mình thì khốn ». Nói chưa dứt lời, thì thấy bảy, tám đứa công-sai đi vào, bắt phân phải trái, thoạt tiên đem cha con viên-ngoại trói vào cột đã, rồi cùng chia nhau đi lục soát tang vật, nào là nhà trên nhà dưới, nhà trong nhà ngoài, đàng trước đàng sau, từ cái hòm, cái cũi, cái bếp, cái tủ không thiếu một chỗ nào là không lục soát. Phàm cái gì đáng giá, là lấy đi hết. Vương-bà đi ăn khao thượng thọ mới về, có bộ quần áo mới chưa thay, cũng bị chúng lột sạch, cả đến vòng xuyến hoa hột, vơ vét kỹ càng. Bộ quần áo của Thúy-Kiều và Thúy - Vân uy không được mở nhưng là hàng tơ lụa nên chúng cũng lôi cả. Thúy Kiều nói rằng : « Các ông công-sai đi tìm tang vật thì xem cái gì có phải tang vật thì lấy, còn như quần áo đàn bà, thì nhà ai không có vợ con, bây giờ các ông lại lột hết, không lẽ cho ai có bài cái che thân thật là vô lý. » Bọn công-sai nói : « Cô - nương đừng lấy làm lạ cái cách hành-động của bọn chúng tôi. Chúng tôi vâng mệnh - lệnh quan sai đi bắt các thứ tang vật, thì chúng tôi phải đem đến về nộp quan. Nếu không phải của nguyên chủ, thì tự nhiên của đi lại được phần về.

(Xem tiếp trang 10)

DÂN TỘC VIỆT-NAM

RẤT ĐỦ TƯ CÁCH ĐỂ TỰ TRỊ

III

VŨ-BỘI-LIÊU

Đánh thuế thật nặng vào các sòng đỏ bác, các lò nấu rượu; để rượu hóa đắt, người nghiện phải chừa bớt đi. (Trái lại, bọn thực dân lại khuyến-khích, và cưỡng-bách dân ta uống rượu: mỗi xuất-đinh bắt buộc phải tiêu thụ một số nhất định là bao nhiêu rượu trong một tháng)! — Về nha phiến, đánh thuế nặng gấp 5, 6 lần lúc trước — *Và nếu trong quan lại có người nghiện ngập, thì bắt họ phải chừa đi, mới được bổ dụng* (Chính-phủ gần đây cũng vừa mới ra cái lệnh đó)

Bắt hết bọn côn-quang vô-lại đưa lên thượng du để khai khẩn đất hoang.

5) *Vấn đề nông chính: Nên soạn các sách nông chính để phát cho dân* (ý kiến rất hay, chính-phủ nên đem ra thực hành) — Ông có nói kỹ lưỡng đến cả các phương-pháp *trị thủy, dẫn thủy nhập điền*, và bàn nên *đặt ra các cuộc đấu xảo canh-nông.*

6) *Để mở mang sự giao-thông và thương-mại*, ông xin tự đứng trông nom công việc đào một con sông từ Hải Dương đến Thuận Hóa (cái kênh Sắt ở Nghệ An người ta bảo ngày xưa Cao Biền phải bỏ dở, mà nhà Hồ cũng chịu bỏ tay, ông đứng ra đốc-xuất, chỉ ít lâu là công việc hoàn-thành)

Ông nhận lự chế thuyền theo cách-thức âu-tây, và muốn lập xưởng đóng thuyền ở ngay trong nước. *Ông lại bàn nên đem xuất-cảng các thổ sản của nước ta, và nghĩ cả đến việc đem tơ Vân Nam ra bán ở nước ngoài nữa!* Về việc nhập-cảng, *ông mong nhà nước theo phương-pháp bảo-hộ mậu dịch*, đánh thuế thật nặng những hàng ngoại quốc, để bênh vực cho các sản-vật trong nước.

7) *Vấn đề thuế-khóa: ông xin tùy theo giầu, nghèo mà đánh thuế, y như cách đánh « thuế luỹ tiến » của các nước văn minh* Đánh thuế thật nặng vào các nhà giầu (*Thế mà trong bao nhiêu năm, dưới chế-độ người Pháp, một tên cùng đinh khố rách cũng phải đóng thuế y như một nhà triệu-phú*) — *Đánh thuế các xa-xỉ phẩm* như chè tầu, các hàng tơ lụa của Tầu

8) *Vấn đề cứu tế xã hội*: Nên theo gương Anh Mỹ, *mở những viện tế bần, tế sinh, dục anh, và phải cấm tiệt việc hành khất.*

9) *Vấn đề cai trị: Tiên sinh khuyên triều đình nên chú trọng vào đàn dân* (Dân vi quý!). Quan và dân không nên cách biệt nhau quá, *và về mọi vấn đề, ông xin nhà nước hỏi ý dân.*

10) *Các vấn đề linh tinh*: Về những vấn đề khai khoáng, khai hoang, phép thống kê, và đạc điền, ông đều nói rất kỹ càng, cũng như về việc mở mang và sửa sang các thành phố. Cả đến vấn đề quốc âm, ông cũng có bàn đến.

III

Người Việt Nam là một dân tộc can đảm, hy sinh. Nước Việt Nam là một nước anh hùng

Dân tộc Việt nam là một dân tộc can đảm, biết hy sinh. Chính những kẻ trong trường hợp khác đã mạt sát ta cũng phải khen ngợi ta về điều đó. P. Bonnetain đã viết: « Chúng ta có những *đạo quân Việt Nam, can đảm đến hình như khinh sự chết* ». Và A Barthouet: « Có nhiều kẻ trí óc nặng nề nghĩ rằng người an nam thiếu can đảm, chẳng qua chỉ như một cái đồ chơi dễ vỡ, một con búp bê bằng ngà, thì việc gì phải nể nang họ cho lắm. Những kẻ ấy nhầm, nhầm lắm... *Người an nam can đảm, rất nhiều khi người*

đa thấy một nghị lực mãnh liệt ẩn đằng sau vẻ phong nhã ôn tồn của họ » (... L'Annamite est courageux, il y a très souvent une grande énergie sous sa grâce mièvre).

Một Giáo sư pháp, ông Félicion Challaye lại nói :

« *Dân tộc việt nam được đoàn kết bởi sự chung hưởng một lịch sử vẻ vang, một lịch sử không thiếu gì vĩ nhân và anh hùng* (lại có cả mấy vị Jeanne d'Arc việt nam nữa) ».

Nói đến tinh thần quốc gia, cùng sức quật cường mãnh liệt của người Việt nam qua cái thời kỳ Bắc thuộc và Pháp thuộc, ta không thể không nhớ đến câu nói sau này của Trang công nước Tề, một hôm ngài xa giá đi săn, thấy trên đường có một con bọ ngựa, cứ đứng giữa đường, giơ càng lên, chực chống lại với cái xe. Nhà vua thấy thế, bảo tả hữu rằng

Giống bọ ngựa thế mà đáng kính. Giả sử bây giờ có một người bị kẻ tàn bạo hà hiếp, không ngại gian nan, không sợ nguy hiểm, nhất quyết chỉ tiến lên, chọi với cường địch, chết cũng không thoái tị, thì chẳng đáng nên tôn kính lắm ru ! » (1). Dân tộc việt nam trong bốn nghìn năm lịch sử, bao giờ cũng có cái thái độ cương quyết, anh hùng như con bọ ngựa chống xe trong chuyện Trang công.

Thật thế, trong gần một thế kỷ, ta đã chín lần đánh tan quân Hán, Tống, Mông cổ, Minh. Bác hàng xóm khổng lồ không phải lúc nào cũng uy hiếp được ta, trái lại, có nhiều khi lại bị ta làm cho kinh hồn bạt via. Họ kéo quân sang xâm lấn đất việt, chúng ta không bao giờ ngần ngại rỏ máu đào để chống lại. Không những thế, tiền nhân ta đã có lần đem binh quân sang xâm chiếm lĩnh thổ Trung hoa. Đó là việc Lý thường Kiệt sang đánh bên Tầu.

Sử thần Ngô thì bàn về việc đánh Tống có nói : « Trận đánh Ung liêm là võ công to nhất xưa nay ». Câu ấy không phải là quá đáng, *vì mười vạn quân ta phá vỡ thành trì của người Tần như trở bàn tay. Ở đất Tầu, họ không dám chống choi, khi ta chiếm xong ba châu cứ việc ung dung rút quân về nước, mà họ cũng chẳng dám đuổi theo !*

Rồi đến việc Trần quốc Tuấn hai lần đánh tan quân Mông cổ. Những trang lịch sử vẻ vang ấy hãy còn ghi trong ký ức mọi người, tôi không cần kể lại ở đây. Tôi chỉ muốn nói qua về lực lượng ghê gớm của rợ Tartares Mông cổ, những đoàn kỵ binh bách chiến bách thắng đã gieo sự khủng bố từ A sang Âu ; chúng dũng mãnh và tàn ác quá đến nỗi 700 năm sau khi quân Mông cổ đã rút lui, dân gian miền Trung Âu trong nhời cầu nguyện vẫn còn có câu này : « Lạy chúa, xin phù hộ cho con thoát khỏi sự điên rồ của quân dã man Mông cổ » (2).

Chúng đi qua nơi nào, là nơi ấy bị tàn-phá kinh-khiếp, « dưới vó ngựa của chúng, cỏ không mọc được nữa ». Những đô thị-lớn, dân-cư và cả đến loài vật nuôi trong nhà cũng bị giết sạch. Quân hung-nô là những chiến-sĩ lợi-hại ; chúng bắn trăm phát trăm trúng, biết dùng thuốc súng, và hơi ngạt. Như một trận cuồng-phong rữ rội, những đoàn kỵ-binh mông-cổ phi ngựa như bay từ Đông-Á sang đến Bắc Âu, đi đến đâu, là quân địch tan-rã, thành-quách đổ xụp như những lâu-đài bằng cát : lần lượt những nước A-lạp Bá (Arabie) Tây-bá-lợi-á (Sibérie), nước Bảo, nước Nga bị tàn-phá.

Sau khi bên Á-châu, chúng đã chinh-phục hẳn được Trung-Hoa, và Hốt tất Liệt đã lên ngôi bá, dựng nên nhà Nguyên, *quân Mông-cổ sai sứ sang nước Nam, bảo vua Trần-thái-Tôn phải thần phục Mông-cổ. Nhưng vua Việt Nam không chịu, bắt giam sứ mông-cổ, và sai Trần-quốc-Tuấn lên giữ phía bắc (1257).*

Thế là chiến-tranh giữa nước Mông-cổ khổng lồ, bách chiến bách thắng, với nước Việt-Nam tỷ hon bắt đầu bùng nổ. *Rồi người ta được mục kích một sự lạ lùng : rợ Hung-nô làm mưa làm gió từ A sang Âu, sang bên đất nước này đã bị nếm mùi thất-bại một cách chua cay.* Ba lần chúng kéo đại quân

(Xem tiếp trang 23)

1) « Cỏ học tinh [illegible] thượng trang 123.

2) Xem bài « Quân Mông-cổ » của ông Tiên Đàm : Tri-Tân số 17

Tài liệu để đính chính

(Tiếp theo trang 7

Còn như Cô-nương bảo không có cái che mình, ở thì chúng tôi làm ơn để cho mỗi người một cái che thân ».

Đáng thương thay! một nhà đang vui vẻ đầm ấm như thế, bỗng chốc hóa ra núi băng bể tuyết! Cha con viên ngoại trói trật cánh khuỷu ở gốc cột, bị bọn công sai khảo đả trăm bình nghìn cấp: hai con gái và Vương - bà quỳ xuống đất xin tha. Bọn ấy đánh một hồi rồi nghỉ, lại mắng rằng: « Thằng giặc già, thằng giặc nhỏ, chúng mày không sợ đánh, để chúng tao thử buộc dây xem! » Rồi cổ trói ở khuỷu tay, lột hết quần áo lấy dây buộc hai ngón chân cái, trói vào cột giữa sân. Vương Quan chân chồng lên trời, bọn kia lại đem hai cánh tay trói trái về đằng sau, rồi treo lên xà nhà, hễ kêu một tiếng thì hai ba đứa cùng đánh. Chúng nó treo ngược Vương Quan đầu chỉ cách đất độ hơn một thước. Vương Quan vốn là học trò, không chịu nổi những hình phạt ấy, kêu to một tiếng, rồi chết ngất đi. Hai con gái và mẹ đang ai cầu cha em và con, thì chợt thấy Vương ông kêu to lên một tiếng: « Chết rồi! hết rồi! » Mẹ con ngẩng lại trông, thì thấy bốn chân tay rúm lại chầu trời, mặt và bụng thì chầu đất, rẽ lưng thì đeo một hòn đá nặng 3360 đốt xương đốt nào cũng [illegible] 8400 lỗ hổng, lỗ nào cũng [illegible] hôi, mặt như chàm đổ. Thúy Kiều vội vàng đến trước mặt một người công sai tên là Ứng Bộ, nói rằng: « Các bác công sai, bất tất phải làm ác như thế! Chẳng qua vì đồng tiền! Bác cứu cha tôi và em tôi được toàn tính mệnh, bác có lấy nhiều ít gì, tôi xin tình nguyện bán mình để lấy tiền đưa cho bác ». Ứng Bộ nói rằng: « Cô nương quả có lòng hiếu ấy, tôi xin thu xếp hộ. Nhưng việc này đến quan, thì nhất định phải tội chết. Trong một hai ngày phải lo ba trăm lạng bạc thì mới xong: một trăm đưa cho vị quan bộ đạo (đi bắt trộm giặc), một trăm đưa cho thằng giặc, cho nó không khai liên can đến nhà cô; còn một trăm phần anh em chúng tôi có công khó nhọc... Tôi nghe cô nương giỏi về hồ cầm: Những nhà sĩ hoạn bây giờ, nhiều người có ngàn vàng muốn tìm không được. Nay nếu cô nương chịu bán mình, thì việc ấy chẳng khó gì ». Thúy Kiều đáp rằng: « Việc đã đến như thế rồi, nói không được. Xin bác hãy thả ngay cho cha tôi và em tôi ra đã, rồi cùng bàn định ». Ứng Bộ nghe lời, gọi tất cả bọn lại, bảo cởi trói cho cha con viên ngoại. Không ngờ cởi dây trói ra, thì cha con viên ngoại đều trợn mắt chết sững. Vương bà và hai con gái xúm lại khóc oà lên, rồi cả nhà Ứng Bộ nói: « Bà và hai cô đừng sợ, tôi gọi cho ông và ông ấy tỉnh ngay bây giờ ». Nói rồi, lấy tay kéo mấy sợi tóc ở trên đầu rồi ngậm nước lạnh phun vào mặt hai cha con. Được một lúc, hai cha con đều tỉnh, chỉ thấy chảy nước mắt, không nói năng gì được. Ứng Bộ nói: « Có nước chè nóng hoặc rượu, đổ cho mỗi người một ngụm thì tỉnh ngay ». Thúy Kiều vội vàng đi lấy một chén rượu, đưa cho viên ngoại. Viên ngoại uống rồi, lại lấy một chén rượu nữa, đưa cho Vương Quan. Hai cha con uống xong thấy trong mình đau đớn, chỉ rỏ nước mắt. Vương bà thấy cha con sống lại, vội vàng sắm sửa cơm rượu, mời bọn công sai ăn, và dọn cơm rượu cho hai cha con ăn. Hai cha con nuốt không xuống...

Thúy Kiều thưa rằng: « Việc đã đến như thế này, là chết đi sống lại, dẫu buồn rầu cũng vô ích. Bây giờ thì cha và em đến ở nhà công sai, một hai ngày con bán mình được sẽ đem tiền đến chuộc ». Viên ngoại nói: « Việc ấy thế nào? Giá sử mà số sống cũng là tự mệnh giời ». Thúy Kiều thưa rằng: « Việc ấy đến quan, thì quyết không có lý gì sống được. Nếu cha và em mà chết, thì dòng giống sẽ tuyệt, mà mẹ con không nương tựa vào đâu, chị em con rồi cũng lưu lạc chi bằng bỏ một thân con mà toàn được cha và em, toàn được dòng dõi lại toàn được mẹ và em gái. Chỉ bỏ có một mình con mà hoàn toàn được trọng đại. Chị con đã quyết, cha

không phải nghĩ gì đến con nữa. Vả lại, sinh con gái là con nhà người, không phải con nhà mình. Con đã thẹn rằng không được như Đề Oanh dâng thư cứu cha, há lại không được như Lý Kỳ bán mình cứu cha hay sao ? » Khẩu khí mạnh mẽ, lời lẽ kịch liệt. Viên ngoại nghẹn ngào không trả lời được một câu, chỉ cúi đầu chảy nước mắt mà thôi.

Bọn Ưng Bộ cơm rượu xong, nói với Thúy Kiều rằng : « Chúng tôi hãy tạm lĩnh lệnh tôn và lệnh đệ về nhà, cô nương phải thu xếp mau mau nhé ! Nếu quá ba ngày, chúng tôi sẽ đem nộp quan. Chớ để lỡ việc nhé ! Còn về việc lệnh-tôn và lệnh đệ ở nhà chúng tôi, thì chúng tôi sửa cơm nước cũng được ; nhưng Vương-bà nên đi cùng chúng tôi, sắm-sửa cơm nước thì tiện hơn, tôi sẽ giới-thiệu đến một nhà tốt lắm, không đến nỗi để phụ tấm lòng hiếu-thảo của cô ». Thúy-Kiều gọi mẹ thưa rằng : « Mẹ ơi ! Bác ấy nói phải lắm, mẹ nên cùng đi với bác ấy để trông nom cha con và em con ». Vương-bà chỉ việc cùng chồng con đi theo bọn Ưng-Bộ mà thôi.

Thúy-Vân nói : « Chị ơi, chị, em tưởng cái tai nạn này là tai họa chung của cả nhà, sao lại để một mình chị chịu nạn ? » Thúy Kiều nói : « Việc đã đến như thế này, nếu không nghe chị, thì việc không xong. Em còn ít tuổi, chưa đương nổi được việc ấy. Em ngày sau sẽ làm lương thần để thờ cha mẹ, chị mới là trung-thần phải sát-thân (giết mình) để thành-nhân (thành điều nhân). Huống chi chị đã xét kỹ, thử xem cái thân bạc-mệnh này, nó dẫy đọa đến đâu ! » Thúy Vân thưa rằng : « Chị ơi, có một điều rất không nên .. » Nói nửa chừng như thế, rồi im lặng. Thúy Kiều cũng chìm Thúy Vân một hồi lâu, không nói câu gì. Sau nói với Thúy-Vân rằng : « Chị có một điều tâm-sự, muốn nói với em, nhưng khó mở miệng. Nếu không nói ra, lại sợ phụ một tấm lòng thành của tiên ». Thúy-Vân giật mình nói rằng : « Chị gọi là tấm lòng thành của hắn, có phải là Kim lang không ? Từ ngày chị gặp mặt, đã lấy gì làm tình thân-thiết ; mà chị cho là có một tấm lòng thành ». Thúy-Kiều đáp rằng : « Chị cùng Kim-lang đã cùng trao nguyền bách niên giai lão. Ngày nay tai-họa không ngờ, toàn được chữ miễn thì không toàn được chữ nghĩa. Rồi ra chị không biết phiêu-bạt phương nào ! Nếu kẻ kia trở lại thì hắn cậy ai ? Hiền-muội ngồi ngay, để chị lạy một lạy » Thúy Vân nói : « Chị mà lạy em, là nghĩa làm sao ? » Thúy Kiều nói rằng : « Chị lạy đây không phải lạy để từ biệt đâu. Chính vì việc ân tình của Kim lang, chị chưa trả được, chị nhờ em báo đền hộ chị thì dù chị có thịt nát xương tan, cũng ngậm cười nơi chín suối ». Nói rồi, òa lên khóc to, chết ngất đi độ giây phút mới tỉnh. Thúy Vân thưa rằng : « Những lời chị dặn, em xin vâng lời, nhưng xin chị phải trân trọng lấy tấm thân ». Thúy-Kiều nói : « Kim-lang đã đi về Liêu-dương rồi, mà việc cứu cha và em lại không thể chậm được, thật là tiến thoái lưỡng nan, bất đắc dĩ chỉ phải nhờ em. Kim-lang cùng chị có một tờ minh-thệ, và một đôi xuyến bạc, chị giao tất cả cho em, em nên khéo ở : ấy là người vĩnh bảo chung thân của em đó. Chị tưởng Kim-lang là người tài-tình không dễ gặp, chỉ với hắn đã có cái định ước về sau, bết thấy nhờ em hoàn toàn cho. Ngày sau phu quí phú vinh, chớ quên chị nhé. Chị sợ nay mai người mối đến, chị không kịp kể lại. Nay chị viết sẵn vài chữ, nhờ em chuyển đệ cho Kim-lang. Chị hồi tưởng như lúc thề-nguyền dưới trăng, thật không bao giờ có nữa. Trước kia chị mộng Lưu Đạm-tiên, đưa cho vịnh thơ *Đoạn-trường*, rồi lại bảo rằng ta cũng là người trong hội đoạn-trường. Bây giờ mới ngẫm một đời đi tất như thế này, không khỏi ra ngoài hội đoạn-trường. Hôm nọ đối với Kim-lang mà giữ mình, ấy là lẽ thường. Hôm nay gặp tai-biến như thế này, rồi ra một đời khổ hay sướng là tự người, mình không được tự chủ, chỉ thính mệnh ở trời. Vạn nhất Kim lang là người đa-tình, hiền-muội có lòng chiếu cố, hoặc có cái nhã ý đi tìm, thì đại-khái ở rằng sông Tiền-đường, chắc có tiêu-tức. Cái điềm gặp nhau ở Tề-đường, đã thấy ở trong mộng, đêm trước đã nhắm, việc sẽ chắc cùng ». Nói rồi, dậm chân khóc rằng : « Kim-lang ơi ! hỡi Kim lang ! Tôi phụ chàng rồi, tôi phụ chàng rồi ». Nói rồi lại khóc, khóc rồi lại than, độ một giờ, tự nhiên im bặt, nói rằng : « Em ơi, chị không khóc nữa, mẹ đã ở,

(Xem tiếp trang 15)

AN NAM ĐÔ-HỘ

Số 2

NGUYỄN-XUÂN-VAN

Phủ Đô hộ đất Tống bình, gần bờ sông Nhị hà tức là ở địa phận thành phố Hà-nội ngày nay. Trong hồi Bắc thuộc thành trị trước sau không ở yên hẳn một chỗ mà cứ xê xích dần mãi về phía đông nam.

Chỗ thị trận ấy trước kia chẳng qua chỉ là một làng xóm nhỏ không quan trọng lắm vì mãi đến khi Lý Nam đế đồn binh ở bờ sông Tô lịch mới bắt đầu tạo ra bảo lũy để chống cự với quân nhà Lương (12). Đến khi phủ trị Giao châu dọn về đó, thành trị hãy còn sơ sài đến nỗi giặc Tàu ở Giang nam tràn sang. Đại tổng quan là Khâu Hòa chực bỏ thành chạy. Vì có các tướng bộ hạ khuyên can, Hòa ở lại đốc thúc mọi người đánh giữ, giặc phải lui. Qua cơn khủng bố, ông bèn lo đến việc phòng thủ cần cấp. Ông sai đắp một vùng lũy đất chu vi chín trăm bộ gọi là Thử thành (13). Những lũy nhỏ quá không đủ chống giữ, ba lần bị quân ngoài vào công phá; bọn Đinh kiến quan của Mai bắc đế và giặc Đồ bàn.

Phủ Đô hộ không thể là một nơi trống trải, đến nỗi hễ có giặc là là thất thủ liền như thế được. Năm Đinh vị (171 tl 767) viên Kinh lược sứ Trương Bá Nghi mới bỏ Thử thành và đắp một ngôi thành khác to hơn cách phía bắc sông Tô lịch hai trăm bộ. Chung quanh thành có một đường đê bao bọc cao vài bộ. Quan Đô hộ sau là Triệu Xương lại sửa sang thêm cho được chắc chắn hơn. Sau Bùi Thái cũng có đắp cao thêm lên nữa (14). Đến năm mậu tí (130 tl 808), Trương Chu làm Kinh lược, rất chú ý đến sự phòng thủ ở trong xứ. Ông sửa chữa lại hai thành Hoan Ái để giữ giặc Chiêm. Phủ đô hộ hồi đó ông cho là chưa được chắc chắn. Ông bèn sai phá bỏ đi, đắp một tòa thành khác vừa ý ông hơn. Thành rộng hơn trước nhiều, bờ thành cao thêm độ được 22 bộ, có ba cửa lớn; cửa đông và cửa tây mỗi cửa ba gian, cửa chính ở phía Nam có năm gian trên có vòm canh. Ông còn xây thêm ở trong thành mười sở dinh trại làm chỗ cho quân đóng. Thành ấy lấy tên là An nam La thành (15).

Sau đó sáu mươi năm, (mậu thìn 114 tl 824) phủ thành lại di di lần nữa. Viên Đô-hộ Lý Nguyên Gia mê tín thuật phong thuỷ, thấy trong châu hay có nội loạn, cho là tại trước cửa thành có giòng nghịch thủy nên mới sinh ra thế. Có nội loạn là tại chính trị hà khắc, lòng dân bất phục chứ có liên can gì đến giòng nước lặng lẽ chảy suối đó. Nguyên Gia đã cho đắp một ngôi thành nhỏ ở tả ngạn sông Tô-lịch trong tuần tháng một, nhưng chỗ ấy cũng không được tiện lợi, ông lại phải bỏ và lại trở bên hữu ngạn. Ông trở lên chỗ cũ có giòng nước không hay đắp một ngôi thành khác cũng ở gần đó. Thế là trong vòng có sáu tháng — từ tháng một năm trước đến tháng năm năm sau (kỉ tị 113 tl 825) — thành bị di dời hai lần (16).

Trong một khoảng đất kể cũng chẳng được rộng rãi cho lắm — quanh vùng Thái hà, Cầu giấy lên đến trường đua ngựa ngày nay — ba toà thành đắp đi đắp lại: Tử thành của Khâu Hoà, Tô lịch giang cựu thành của Trương Bá Nghi và Phủ đô hộ của Lý Nguyên Gia. Từ đấy mãi đến bốn mươi năm sau (17) Cao Biền đuổi được quân Nam Chiếu mới cho đắp lại thành Đại la. Thành của Cao Biền dịch về phía đông giữa hai con sông Nhị hà và Tô lịch giang, Phủ Đô hộ vẫn cứ đóng nguyên chỗ đó cho đến hết đời Bắc thuộc.

Thành Đại la chu vi giải 1982 trượng 5 thước (6000 thước tây) tường thành cao 2 trượng 6 thước (7 thước tây), chân dầy 2 trượng 5 thước (7 thước tây). Trên mặt thành còn đắp thêm một hàng nữ tường, có vọng địch lâu khắp bốn mặt để trông giữ. Ngoài thành thêm một con đê chân vi giải 2125 trượng 8 thước (6200 thước tây), cao 1 trượng 5 thước (3 thước tây), chân dầy 2 trượng (6 thước tây). Con đê ấy cách chân thành một quãng xa để phòng tên đạn của quân địch ở ngoài bắn vào không thể tới thành được. Trên

hành có dựng năm nghìn gian nhà để lính đóng cùng các lầu đài dinh thự, kho tiền và kho lương. Đường đi khắp các nơi thông ra sau cửa thành. Dân chúng tụ tập cả ở ngoài thành xây dựng nhà cửa ở chung quanh lập thành phố phường buôn bán rất là đông đảo (18).

Thành Đại la từ đấy giữ mãi địa vị một thủ phủ của nước Việt. Trải hơn nghìn năm, thành phố ấy mỗi ngày một thêm thịnh vượng, một thêm to rộng nguy nga. Tuy rằng sau đấy, vua Ngô đóng đô ở Cổ loa, vua Đinh, vua Lê đóng đô ở Hoa lư, Đại la vẫn không mất vẻ phồn thịnh vẫn là một nơi trọng trấn, một nơi đại đô hội ở trong nước. Vì thế Lý Thái Tổ lại thiên đô về Thăng long. Cho đến ngày nay, Hà nội vẫn là nơi văn vật, vẫn giữ cái địa vị quan trọng nhất Đông-dương, là kinh đô chính trị và văn hoá của nước Việt Nam vậy.

NGUYỄN XUÂN UẨN

---

12) Xem chương nhất : Lý B xung đã (13) le protectorat gl de l'Annam sous les Tang (14 Bài Thái còn đắp thêm hai lòa thành to ở Hoan Ái để chống với người chiếm. (Khâm định Việt sử)

15) Le protectorat gl de l'Annam sous les Tang — An nam chí nguyên

16) Ibid 17) Năm binh tuất tây lịch 866

18) Khâm định Việt sử — Le protectorat gl de l'Annam sous les Tang.

DÂN TỘC VIỆT-NAM

(Tiếp theo trang 9)

ầm ầm như gió như bão sang uy-hiếp nước ta, là ba lần chúng bị đức Trần-hưng-Đạo đánh cho thua xiểng-liểng. Toa Đô bị tử trận, Ô-mã-nhi, Phàn-Tiếp bị bắt sống, còn thái-tử Thoát-Hoan phải lẻn vào một đường tắt mà chạy trốn về Tầu với một đám tàn quân, máu rợ Hung-nô chảy đỏ cả một khúc sông Bạch-Đằng, tế là tan cái mộng xâm-chiếm của quân Mông-cổ, và chung ta đã tỏ cho họ biết rằng dân Việt-nam là một dân tộc dũng mãnh, nước Việt-nam là một nước anh hùng.

***

Trước khi chấm kết chương này, tôi không thể không nhắc tới một chiến công vẻ vang của ta đối với ngoại quốc ở thế kỷ thứ 17 : *năm 1664, trong một cuộc giao tranh trên mặt biển, hai chiếc tầu trận khổng lồ của người Hòa-Lan đã bị đội chiến-thuyền « muỗi » của ta đánh đắm, còn chiếc cuối cùng phải bỏ chạy hoát thân !*

Ông Maybon kể rằng năm ấy, vì một chuyện xích mích, người Hòa-Lan cho ba chiếc tầu chiến xông vào bờ bể Quảng-Nam. Sáu chục chiến thuyền của ta lập tức ra ứng-chiến. Rồi thì chiếc tầu to nhất của quân địch bị bốn chiến thuyền Việt-nam súm vây, chỉ một chốc là họ chặt gẫy cả bánh lái, bẻ ngã cả cột buồm. Quân ta chiến-đấu hùng dũng quá đến nỗi, biết rằng tình thế không sao cứu vãn được nữa, viên tướng chỉ-huy Pierre Back phải tự châm lửa vào kho thuốc súng để rồi chết theo tầu.

Muốn biết cuộc thắng-lợi ấy vẻ vang thế nào, ta phải biết rằng, thời đó, người Hòa-Lan có tiếng là những chiến-sĩ lợi hại nhất trên mặt biển, « họ đi đến đâu là theo sự khủng khiếp đến đấy, và không ai chống lại được họ ». Mà mỗi chiếc thuyền, họ mang theo ít ra hàng trăm « lầu đại bác !

Cố Alexandre de Rhodes bình-phẩm về trận này đã viết : « Người Hòa Lan phải chịu thiệt hại mà kinh-nghiệm rằng những chiến thuyền Việt-nam có thể hãng nổi những chiếc tầu khổng-lồ của họ, những chiếc tầu mà nhờ đó trong bao nhiêu lâu họ vẫn tự-phụ là đã làm chủ được trên mặt biển ».

Kết-luận

Đọc những trang trên kia, ta đã thấy một số người ngoại-quốc chân-chính tỏ lòng tin ở những khả-năng của chúng ta : họ đã không ngần-ngại ca-tụng trí thông minh, lòng dũng-cảm phi-thường của người Việt Nam. Và những trang lịch-sử dầy-rẫy võ-công rực-rỡ tôi vừa nhắc lại, chứng tỏ rằng người mình có thừa đủ điều-kiện để trở nên một nước hoàn-toàn độc-lập, hơn thế nữa, một dân tộc hùng-cường như tôi đã nói trên đầu bài này. Chính viên cố toàn quyền P. Pasquier đã phải viết : « *Một ngày kia, nước Việt Nam sẽ trở nên một cường-quốc trên bờ bể Thái-bình-dương* ». Không phải một mình tác-giả cuốn « Cổ Việt Nam » (L'Annam d'autrefois

nghĩ thế đâu. Félicien Challaye một giáo-sư người Pháp có tiếng, người đã có lần hô hào giải phóng cho các thuộc-địa, trong một cuộc công-đồng diễn-thuyết do hội Nhân-quyền ở Paris tổ-chức năm 1925, đã đọc một bài diễn-văn nói về chính-sách cai trị của người Pháp bên Đông-Dương. Ông mạt sát bọn thực-dân, và tỏ lời khen-ngợi dân tộc ta, bảo người Việt-Nam là « một dân-tộc trác việt » (un peuple supérieur), có một nền văn-minh đặc sắc, « có một giá trị rất cao về tinh-thần và luân lý »

Lẽ tất-nhiên là người Pháp ở bên này không được hài-lòng về những lời phán-đoán ấy. Chi-nhánh hội Nhân-quyền ở Hải-Phòng viết bài phản-đối, in thành sách để gửi sang Pháp công-kích ông Challaye. Ông này có chân trong ban trị-sự Hội chính ở Paris, và nhân tiện để phỉ-báng tâm tệ người Việt Nam. Chúng bảo « *người Việt Nam là một dân-tộc dã-man, chỉ có roi vọt mới dạy nổi được* » một dân tộc « *có đủ các tính xấu của những nước sống trong vòng nô lệ hay sợ hãi quá nên sinh ra đê-hèn, hèn hạ, tính tình gian-trá, giả dối mà sự gian-trá đối với họ là một đức tính — không biết lòng danh dự là cái gì, và trước khi người Pháp sang đây thì sống như là súc vật* ». Thấy giáo-sư Challaye khen dân mình là cao-thượng, bọn thực-dân ấy phát bẩn lên mà nói :

« Dân tộc ấy mà cao-thượng à ? Cao thượng về cái gì kia chứ ?... Họ có đủ các tính xấu nói dối, ăn cắp, hối-lộ, xảo-quyệt, độc-ác, nham-hiểm, v.v...

Nói về mỹ-thuật ư ? Nói về văn-chương ư ? Người An-nam có sản-xuất được một ông Khổng-Tử nào đâu ? Quen sống trong vòng nô-lệ, trí-khôn họ suy-nhược đi, họ còn sáng-kiến được cái gì nữa ?

Nói về hội-họa ư ? Chả có một cái gì cả. — Còn về nghề điêu khắc ? Cứ xem những hình chạm nổi trong các ngôi chùa, những bức tượng Phật, những con hổ bèn-bẹt chẳng ra hình thù gì, thì đủ biết — Về âm-nhạc à ? Muốn hiểu tài âm-nhạc của họ, ta cứ việc lắng tai nghe lũ mèo gào trên mái nhà ! (1)

— Ta hãy bỏ những câu phỉ-báng ấy ra ngoài tai mà nghe nhời phẩm bình của nhà chính-trị Paul Doumer, cố tổng thống Pháp quốc, người đã có lần ở ghế toàn quyền Đông-dương trong năm năm. Ông đã viết trong cuốn « Indochine française » những câu này

« Bao phen bị đánh bởi người Trung-hoa, rồi bị họ thống-trị trong một thời-gian, người Việt Nam vẫn tự vệ rất can đảm và bảo-vệ hay khôi phục được nền độc-lập...

Người Việt Nam hơn các dân-tộc láng giềng, điều đó không ai chối cãi được. Dân Cao mên, dân Lào, dân Xiêm không thể cự-đương nổi họ được. Không một dân tộc nào thuộc đế-quốc Ấn-độ có những đức-tính tốt như người Việt-Nam và phải đi đến Nhật-bản mới tìm thấy một giống người có giá-trị như họ và giống họ. Dân Việt Nam và dân Nhật-Bản hẳn có họ với nhau từ ngàn xưa. Cả hai đều thông-minh, cần-mẫn, và can đảm. Người Việt Nam thành được một người lính rất thiện-chiến, trọng kỷ-luật và dũng-cảm. Họ là một người làm việc kiểu-mẫu, một người làm ruộng tốt ở thôn quê, một nhà tiểu-công-nghệ khéo léo và có sáng-kiến ở thành-thị. *Ở địa-vị thợ-thuyền cũng như ở địa-vị quân-nhân, họ hơn hẳn các dân-tộc khác ở Á châu, đem so sánh với họ...* Tôi đã nghiệm thấy cái định-lý chung này : những người can-đảm trong công-việc làm thì cũng can-đảm khi chiến-tranh, nghĩa là sự can-đảm chỉ có một. Nếu người ta can đảm trước sự mệt nhọc, thì người ta cũng can-đảm trước sự nguy-hiểm dù trước cái chết ». theo bản dịch của ông Tâm Thanh đăng trong Đông-phát).

Không thể tìm được một câu nói nào hơn để cãi lại những lời vu cáo, hay lăng-mạ của bọn thực dân, và tôi cũng lấy đoạn văn trên kia của Paul Doumer để làm kết-luận cho bài này.

VŨ BỘI LIỆU.

---

1) *Xem bài giả lời của ông Thượng Chi, hồi ấy làm phó thư-ký chi hội Nhân quyền ở Hà-Nội, và được Hội cử ra viết bài giả lời ; Nam phong số 1051*

Tài liệu để đính chính

(Tiếp theo trang 11)

tất người mới đã đến ; ấy là một việc gặc-tình, giá-sử không người lấy ta, thì những công-sai ở ngoài phủ, tất là làm cho cha và em ta không yên ».

Lúc ấy trong lòng rối-loạn, định để lại mấy chữ mà không biết nói, chỉ bảng lấy giấy bút, viết sẵn một phong thơ, rồi rỏ nước mài mực, ngọn bút cầm vào, một tiếng thở dài, hai hàng lã-chã, vừa khóc vừa nói rằng : « Kim-lang ơi, tôi Kim-lang, hôm nọ em cố gắng minh, không theo ý muốn của chàng là phỏng đến đêm hợp-cẩn, không lấy gì làm tiếc. Nếu biết trước rằng hôm nay như thế này, thì lúc ấy chẳng giữ làm gì » Nói rồi, cầm bút vừa khóc vừa viết một bức thư rằng : « Thúy Kiều bạc mệnh khó tránh tiêu-tường. Kỳ bất năng vi Đế-oanh đại phụ minh oan, nhi cận vi Lý — Kỳ mã thân lên Tô gia nạn, mãi thân tất vi quân quí hỹ, hận tỷ. Hồi tư đăng-hạ đầu thoan chi tự, cảnh vi thiếp bạc mệnh ám hỹ. Lang niệm cập thử, đắc vô oán hồ. Thiếp niệm bạc tình bất năng tự tục Kinh dĩ xá muội đại sung cẩn trất, Lang nhược bất khí nhi phủ thành ra, thứ khả thiều thù ân tình vu vạn nhất hỹ Thiên nhai hải giác, chỉ nhật đăng trình. nguyệt hạ chi minh; dĩ thành vong tưởng, hồ cầm nhất trưởng, oán khúc nhất xảo, di hương nhất phong, tha nhật đồng ngã muội, phần hương điều cầm, canh ca độ khúc, hương yêu liêu nhiễu, thế phong tích lịch nhi lai, thiếp hồn tại yên, hạnh dĩ bôi đình lịch ngã oán hồn, kỳ thụ hựu dĩ đa hỹ, sinh tử chi biệt, liêu tận vu thử, ngôn đoản tình trường, bất năng tất bố, duy kỳ nỗ lực gia san, hạnh vô dĩ thiếp vi niệm. Tương Thiên-Lý lang minh hạ, nhược ái muội Vương Thúy-Kiều lễ nhẫn bái » Dịch nghĩa là : « Thúy-Kiều này là người bạc mệnh, tai họa xảy ra ở chốn tiêu-tường, không thể bắt chước Đế-Oanh kêu oan thay cha, mà chỉ làm được Lý-Kỳ bán mình để khỏi nạn Tô-gia. Bán mình tất là nhục cho chàng, thiếp lấy làm hổ thẹn ấm ức giận lắm ! Hồi tưởng lúc dưới nêu thiếp cự cuồng, thì nay lại là cái án bạc-mệnh cho thiếp. Chàng nhớ đến chỗ ấy chắc là oan giận lắm. Thiếp tự nghĩ là người bạc-duyên không thể nào tự nối được tơ duyên ấy Nên thiếp kính đem xá muội (em gái) nâng khăn sửa túi thay thiếp, nếu lang-quân không chê mà tác-thành cho, ngõ hầu cá ân-tình của thiếp đối với chàng báo đền được muôn một. Chân giời góc bể, thẳng ngày lên đường, lời thề dưới trăng, đã thất hẹn vọng tưởng, một đàn hồ-cầm, một khúc sầu-oán và một phong thư thừa thừa. Ngày sau chàng cùng em thiếp, đốt hương, gẩy đàn, đọc ca, ngâm, khúc, khói hương phảng phất, có gió lạnh như mưa tuyết đưa lại, tức là hồn thiếp đó. Nay mà chàng lấy chén nước chè mà rỏ vào oán-hồn của thiếp, thì thiếp mang ơn nhiều lắm. Cái tình ly biệt trong khi sống chết, kể hết ở trong thơ này. Nói ít tình dài, không thể kể hết. Chỉ xin cố sức thêm ơn, xin chớ nghĩ gì đến thiếp. Thơ này gửi đến chàng Kim-lên tự là Thiên-ý, như hãy đứng ở dưới trăng cùng thề Em được chàng yêu lấy làm nhục. Tên là Vương Thúy-Kiều khép vạt áo kính lạy ». Ngoài phong bì đề chữ « Kim Thiên-lý minh-huynh khải » nghĩa là « chàng Kim Thiên-lý là người đã cùng thề nguyền mở thơ này ». Viết xong giao cho Thúy-Vân nhận. Lược dịch *Kim Vân Kiều truyện*, bản sao trong Bác-cổ, số A 953, từ tờ 34 a đến 41 b.)

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Cải chính

Trong bài « Dân-tộc việt-nam rất đủ tư-cách để tự-trị » của Vũ Bội Liêu đăng trong số trước : 202

Trang 6, cột 2, giòng 12 In là : Người Pháp *đủ* có tiếng... xin đọc : Người Pháp *chỉ* có tiếng..

Trang 7, cột, 3, giòng 35 : In là : Một nước *mà trong ấy, các du - khách,* ai ai cũng là thi sĩ xin đọc *mà trong ấy, theo lời các du-khách,* ai ai cũng là thi sĩ

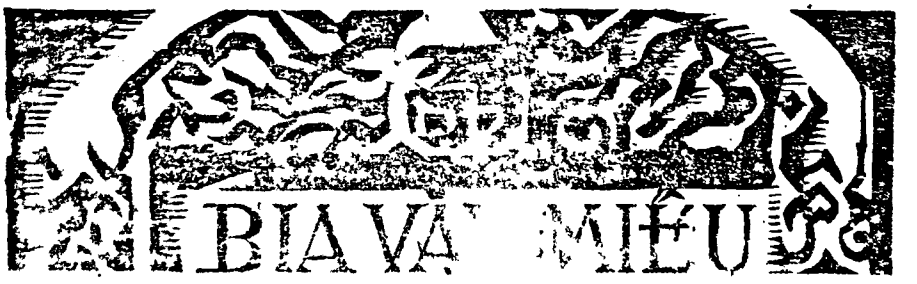

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 115

Ưng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRONG đời Lê (1418 1789) họ Mạc tiếm vị hơn sáu mươi năm (1527-1593) có hai mươi hai khoa thi, từ khoa 1529 đến khoa 1593. (Đăng khoa lục (q. 2, tờ 21 b đến 63 b) chép đủ tên các ông tiến sĩ đỗ những khoa ấy ; nhưng ở Quốc-tử giám Hà-nội chỉ thấy có một tấm bia nhà Mạc vẽ khoa kỷ-sửu (1529) còn thì không thấy tấm nào về đời Mạc : có lẽ về sau nhà Lê trung-hưng, cho vùi xuống đất, hoặc phá đi chăng.

Tuy chép tên các ông tiến sĩ đỗ với nhà Mạc, nhưng tô vẽ đề đầu bài là « Ông nghè triều Lê ». Theo thuyết chính thống. Đã có khoa-lục cũng chỉ chép có ghi khoa vào niên-hiệu nhà Mạc (1529-1554), còn mười ba khoa 1556 1592 ở trên vẫn chép vào niên hiệu nhà Lê và chục họ Mạc ở dưới bằng chữ nhỏ.

Khoa nhâm thìn 1532 là năm thứ ba niên hiệu Đại-chính của Mạc Đăng-Doanh, có hai mươi bảy ông đỗ kể tên dưới này :

Ba ông đỗ nhất giáp tiến sĩ cập đệ :

1.— Nguyễn-Quyền (Sảnh), người xã Canh hoạch, huyện Thanh oai, (nay phủ Thanh oai thuộc Hà-đông, phủ Ứng thiên, trấn Sơn-nam, nguyên quán ở xã Cảo-đường. Năm ba mươi tám tuổi, đỗ hội-nguyên khoa nhâm thìn 1532, vào thi đình đỗ trạng-nguyên. Làm quan đến Lại bộ thượng thư Tây quận công. Năm thứ hai hiệu Thuận bình đời Lê Trung-tông (1550) tức là năm thứ ba hiệu Cảnh lịch nhà Mạc, Mạc-Phúc-Nguyên đương ở Thăng-long, nhưng Phúc-Nguyên là người hôn mê hèn yếu, lại tin lời gièm pha. Nên Nguyễn-Thuyên cùng với Nam đạo tướng là Phụng quốc-công Lê-Bá-Ly giữ thành Đông kinh, đem quân bản bộ Thanh-hoa qui thuận vua Lê (lúc ấy vua Lê còn ở Thanh-hoa), vua Lê thưởng cho và yên ủi, lại cứ cho y nguyên quan chức cũ, thăng hàm thiếu phó. Lúc bấy giờ Nguyễn-Thuyên năm mười bảy tuổi Thuyên đã qui thuận với Lê, thì những mưu thần mãnh tướng của Mạc, kéo nhau vào Tây-đô hết thảy thế của triều đình nhà Lê càng ngày càng rõ. Đến năm đinh tỵ 1557 hiệu Thiên-hựu thứ nhất, đời Lê Anh-tông Nguyễn-Thuyên mất, thọ sáu mươi ba tuổi. Là cháu nội Nguyễn đăng Địch (đỗ thám hoa khoa 1481), cháu ngoại Nguyễn bá Kỳ (đỗ đồng tiến sĩ khoa 1463); gọi Nguyễn đức Lượng bằng cậu. Nguyễn đức Lượng là con Nguyễn bá Kỳ. Lượng đỗ trạng nguyên khoa 1514 Lượng truyền Nguyễn bá Kỳ đón thầy địa lý tìm đất, được một cát huyệt ở xã Cao-xá. Khi táng đến nơi, thì con Nguyễn đăng Địch bị bệnh phong, làm nhà dưỡng bệnh ngay trên huyệt, lấy thế lực đuổi không được cho tiền cũng không đi. Người bệnh phong đời danh đồi con gái Nguyễn bá Kỳ tức là em gái Nguyễn đức Lượng. Khi hai nhà đã bằng lòng kết làm nhân gia, người bệnh phong ngộ phòng chết ngay, vợ về nhà chồng báo tin, ra đến nơi thì mồ đã xông thành năm (?) Thầy địa lý nói rằng : «Người em gái ông có cái bụng trạng nguyên, ông làm cậu ông trạng cũng được có hề gì, nhưng huyệt này còn vượng, nên phụ táng cũng phát. » Quả nhiên, Nguyễn đức Lượng đỗ trạng nguyên khoa 1514, người em gái tức là mẹ Nguyễn Thuyên đỗ trạng nguyên khoa 1532 : người đời truyền tụng là « trạng cậu, trạng cháu ». Truyền tụng như thế rất phải, nhưng tin cả ở mồ mả thì chẳng hóa ra giảm mất cái công học-hành đi ư ? Dù sao cũng nên biết nỗi cái lõi xem đất ngày xưa.

Tổ mộ nhà Nguyễn Thuyên đóng phường kiến-hợi, Nguyên có một cái gò rất rộng, chạy dài thành hình cửu tinh (chín ngôi sao), chia 3 hàng mỗi hàng 3 gò, hình chữ « vương », mộ táng ở gò giữa hàng thứ ba ; trước có cái bát rằm ngang đóng vào chữ bính-ngọ trong la-kinh, phía ngoài những gò đống như chân đê rất nhiều. Nhà phong thủy kết kiểu đất ấy rằng : « Thế trong tuy tốt, nhưng hình ngoài rất xấu, lại họa tự người ta đem đến, ác nghiệt tự mình làm ra ». Cho nên con Nguyễn Thuyên là Nguyễn Quyện cũng là người có tài có dũng, lúc đầu theo cha qui thuận nhà Lê, được Trịnh Tùng yêu dùng. Khi Nguyễn Thuyên mất, lại về làm quan với Mạc, đến tước Thường quốc công, nổi tiếng là chiến tướng thời bấy giờ. Sau có một trận đánh nhau với nhà Lê, bị Trịnh-Tùng bắt được làm

lật trở-đi. Con Nguyễn Quyện là Nguyễn Tin cũng phản nhà Lê, bị chết trong ngục. Người đời cho thế là đúng như kiểu đất.

Con cháu về sau trốn mỗi người mỗi nơi ; có một chi ở Thanh-hóa, đổi là họ Lê, có Lê văn Phú làm tổng đốc, Lê văn Huy làm thạm tri. Một chi đến ở Bình-đà đổi là họ Phạm, phần nhiều phát quan võ. Một chi ra ngoại quốc sau có người làm vua nước Lưu-cầu, vào khoảng đầu đời Minh-mạng (1820), có sai sứ về sinh (biếu) phẩm và vàng, và kể là giống cũ thăm viếng. Người ta cho rằng cũng ở kiểu đất, nên mới được như thế ! (Dịch theo Đăng-khoa-lục, q. 2, tờ 24 a, và Đăng-khoa bị-khảo, quyển Sơn-nam, tờ 37 b 38 a, và lược theo Đại-Việt đình-nguyên Phật-lục, tờ 24 a-b).

2.— Bùi-Vịnh, *người xã Định-công, huyện Thanh-đàm (Thanh-trì), phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Làm nhà ở xã Thịnh-liệt. Năm hai mươi nhăm tuổi (Đăng-khoa-lục, q. 2, tờ 24 a, chép là đỗ năm ba mươi nhăm tuổi) đỗ bảng-nhãn khoa nhâm-thìn 1532. Làm quan đến Hộ-bộ tả thị lang (Đăng khoa-lục chép là bộ Lại), kiêm tả-xuân-phường là thuyết-thư đông-các học-sĩ, Mai lĩnh hầu. Năm bà mươi tám tuổi mất (cứ như thế, thì Đăng-khoa-lục chép đỗ năm ba mươi nhăm tuổi là nhầm) được truy tặng Mai-quận-công, tên thụy là trung hiến. Về sau nhà Lê trung-hưng được truy tặng thái-bảo. Con là Bùi Bỉnh trai do chán sinh-đồ qui thuận nhà Lê, có công được phong Minh-nghĩa tuyên-lực thuần-tín công thần, làm đến Lễ bộ thượng-thư, tước Vân-phong hầu. Đến năm ất-mão 1615 Bỉnh-trai tám mươi nhăm tuổi, được trí sĩ ; rồi lại triệu ra cho làm phụng-thị-quốc-lão, thọ 93 tuổi, truy tặng thiếu-úy Tiền-quận-công, gia phong thái-bảo. Con trai con gái đều được hiển qui, sử khen là dòng dõi vọng tộc ở Sơn-nam. Anh Bùi-Vịnh là Bùi-Trạ làm quan với Mạc đến chức tả-lý Đông-giang hầu, cũng qui thuận nhà Lê, thăng trật Hộ bộ thượng-thư phong hiệp mưu tả lý công thần, truy tặng thái phó Kính-quận-công. Là con Bùi xương Trạch, đỗ đồng tiến sĩ khoa 1478. Lại tằng tổ Bùi Bỉnh-Quân đỗ đồng tiến sĩ khoa 1619. Là viễn tổ Bùi Huy Bích đỗ nhị giáp đình-nguyên khoa 1769 (Đăng-khoa bị khảo, q. Sơn-nam, từ tờ 6 b đến 7 a).*

3. — Ngô Sơn-Khoái, *người xã Đình-bảng, huyện Đông ngàn, phủ Từ sơn, trấn Kinh bắc. Năm bốn mươi hai tuổi, đỗ thám hoa khoa nhâm thìn 1532. Làm quan đến Binh bộ tả thị lang, kiêm đông các đại học sĩ, tước nam, sau khi mất truy tặng tước hầu (Đăng khoa lục, q. 2, tờ 24 a, và Đăng-khoa bị-khảo, q. Kinh-bắc tờ 37 b).*

Sáu ông đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, kể tên dưới này :

1.— Nguyễn Đích Khang, *người xã Vĩnh thế, huyện Siêu loại, phủ Thuận an, trấn Kinh bắc. Năm bốn mươi mốt tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa 1532. Làm quan đến Lễ bộ hữu thị lang, kiêm quốc tử giám tư-nghiệp, tước nam. Có đi sứ Tàu. Sau khi mất, được tặng tả thị lang, tước hầu (Đăng khoa bị khảo, q. Kinh bắc, tờ 105 b).*

2. — Hoàng Du, *người xã Mạc xá, huyện Chương đức, phủ Ứng thiên, trấn Sơn nam. Làm nhà ở xã Đan sĩ, huyện Thanh oai. Năm hai mươi mốt tuổi, đỗ nhị giáp khoa 1532. Làm quan đến Lại bộ tả thị lang (Đăng khoa lục, q. 2 chép là bộ Binh) tước bá, trí sĩ, được tặng quận công. Là con Hoàng Thông đỗ đồng tiến sĩ khoa 1526 ; Có chỗ nói là em Hoàng-Thông (Đăng khoa bị khảo, q. Sơn nam tờ 50 b).*

3 — Dương Hồng Hạng, *người xã Thượng phúc, huyện Thượng phúc, phủ Thường tín trấn Sơn nam. Năm hai mươi sáu tuổi, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa 1532. Làm quan đến thị lang, kiêm đông các đại học sĩ; Vị xuyên bá. Mạc mậu Hợp cho là theo Hoằng vương, giang thừa chính sứ. Là con Dương trực Nguyên, đỗ nhị giáp khoa 1493 (Đăng khoa bị khảo, q. Sơn nam, tờ 24 b).*

4.— Lương Hội, *người xã Phù vệ, huyện Đường hào, phủ Thượng hồng, trấn Hải dương. Đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa 1532. Làm đến Lại bộ hữu thị lang tước tả. Lúc mất, truy tặng quận-công (Đăng khoa bị khảo, q. Hải-dương, tờ 4 b).*

5.— Trần Dự, *người xã Trảng liệt, huyện Đông ngàn, phủ Từ sơn, trấn Kinh bắc. Đỗ nhị giáp khoa 1532 Làm quan đến hiến sát sứ. Sinh ra Trần Khánh Hưng đỗ đồng tiến sĩ khoa 1583 (Đăng khoa lục, q. 2, tờ 24 b)*

6 — Trần Nguyên Khải, *người xã Binh hạ, huyện Đông ngàn, phủ Từ sơn, trấn Kinh bắc. Năm hai mươi lăm tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa 1532. Làm quan đến hiến sát sứ (Đăng khoa lục, q. 2, tờ 24 b).*

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tên chúng ta sẽ ghi trong « sổ vàng » những người đã chiến đấu cho nền Độc Lập nước Việt-Nam.

Vì : chúng ta đã cương quyết hy sinh tính mệnh chống ngoại xâm, chúng ta đã mang *vàng* ra bỏ vào quỹ Độc Lập

ÔNG BỘ TRƯỞNG...

(Tiếp theo trang 3)

Chính phủ dựa theo nguyên tắc trên sẽ dần dần cho ban bố một *nền học duy nhất chung cho toàn thể dân chúng* không phân giai cấp.

Ngay hiện thời, chính phủ trong dịp khai trường sắp tới sẽ cho bố chức một nền *giáo dục bình dân* trước hết dạy cho hết thảy anh em bình dân biết đọc biết viết, chữ quốc ngữ với một ít kiến thức tối thiểu về khoa học về nghề nghiệp về quyền lợi và bổn phận một công dân.

Ngoài việc cải cách nền học Việt nam, bộ quốc gia giáo dục sẽ gây một nền « *văn học mới* » theo tinh thần độc lập và tinh thần khoa học để phụng sự nhân sinh và đại chúng.

Trong việc này bộ quốc gia giáo dục sẽ cần đến sự cộng tác chặt chẽ của các văn gia cùng các hội văn hóa.

Công cuộc cải tạo giáo dục theo tinh thần độc lập và chủ nghĩa dân chủ cộng hòa sẽ cần sự cố gắng của tất cả các giáo sư và các giáo viên. Các giáo viên ngạch tiểu học sẽ có một trách nhiệm rất nặng nề là trực tiếp với đại chúng ở thôn quê để làm thực hiện sự cải cách giáo dục. Chính phủ sẽ xét theo ngân quỹ mà nâng cao đời sống của các giáo viên cho xứng với nhiệm vụ của họ.

Sau khi tuyên bố về bản chương trình của Chính phủ dân chủ Cộng hòa, ông bộ trưởng bộ quốc gia giáo dục có cho anh em làng báo biết một vài quyết định quan hệ của Chính phủ về việc học;

1· Trong khi đợi lập sự cưỡng bách giáo dục, việc học chữ quốc ngữ từ nay bắt buộc và không mất tiền cho cả mọi người.

2· Hạn trong một năm toàn thể dân chúng trên 8 tuổi phải biết đọc và biết viết chữ quốc ngữ. Ai trái lệnh sẽ bị phạt tiền.

3· Sẽ thiết lập trong toàn quốc cho nông dân và thợ thuyền những lớp học bình dân buổi tối.

4· Trong hạn sáu tháng, làng nào và đô thị nào cũng đều phải có ít ra là một lớp học dạy được ít nhất là 30 người.

5· Ngạch học quan sẽ bãi bỏ.

6· Sẽ đặt ra ngạch thanh tra học vụ.

***

Trước khi từ giã các đại biểu các hiệu các báo, ông bộ trưởng Vũ đình Hòe có lưu lại trong ít phút để cùng các anh em đàm đạo.

Có người hỏi,

— Có sự cưỡng bách giáo dục thì Hội truyền bá quốc ngữ sẽ coi là thừa vì tôi làm một công việc cạnh tranh với chính phủ và có bị giải tán không ?

— Cũng không sao, ông Hòe trả lời, trái lại Hội truyền bá quốc ngữ lại sẽ giúp đỡ rất nhiều cho chính phủ về việc thực hiện các điều dự định, ngoài ra chính phủ lại kêu gọi sự cộng tác của các anh em thanh niên các sinh viên và các công chức về việc mở các lớp học tối cho anh em lao động.

— Bậc tiểu sẽ chỉ có 5 năm hay 6 năm như cũ?

— Sẽ có 6 năm vì lớp nhì năm thứ nhì (cours moyen 2e années) sẽ không bãi bỏ.

— Các học sinh có bằng sơ học bổ túc lên bực cao đẳng tiểu học có phải thi không ?

— Có, vì số học trò nhiều và vì vấn đề tài chính, hiện nay chính phủ không thể mở nhiều lớp năm thứ nhất bực cao đẳng tiểu học được. Nhưng chính phủ sẽ hết sức rộng rãi về việc tuyển các học sinh vào ban đó.

Một đại biểu một báo hàng tuần có yêu cầu ông bộ trưởng từ nay đừng bắt các học sinh và các thí sinh nộp nhiều giấy má phiền phức và tốn kém cho các gia đình như hồi pháp thuộc. Ông Bộ trưởng có ghi các điều nói trên.

Cuộc hội đàm chấm hết sau một tiếng đồng hồ — Theo như lời tuyên bố của ông bộ trưởng bộ Quốc gia giáo dục thì mọi người đều thấy chính phủ sẽ chú trọng đặc biệt đến việc giáo dục bình dân. Còn *phương diện đức dục và thể dục* của toàn thể các trẻ em bậc sơ học và các học sinh ? Người ta không biết các học sinh sẽ được đặc biệt huấn luyện thế nào, vì chưa thấy ông tuyên bố, trong khi theo học để sau này nước Việt-nam mới sẽ có những tâm hồn mạnh mẽ có một nền luân lý chắc chắn trong một thân thể cường tráng.

PHẠM-MẠNH-PHAN

KỊCH DÀI BẰNG THƠ

Yêu-Ly

(hay là « Yêu-Ly nương sức gió »)

LƯU-QUANG-THUẬN

Số 3

II

Yêu-Ly — Hạp Lư — Quân-Sư
Võ-Tướng — Hai-tả-hữu

Yêu Ly

Kẻ hàn sĩ ở bên bờ lau lách.
Cốn cỏ thôn may được gót vàng thăm.
Nhưng vẫn e ngài đến chỗ không nhằm.
Đoàn xe ngựa hả dừng nơi mái cỏ ?

Ngô hạp Lư

Lời khiêm tốn xin ngài vui dạ bỏ,
Tưởng chút tình người dặ có công đi.
Ngựa với xe ngài nhắc tới làm gì
Khiến cho kẻ bất tài thêm tủi dạ.
Ngài ăn dật, ôi ngọc lẫm với đá !
Chưa phen thăm, lòng ấy nay không ngaôi.
Nhưng tương tri thì đã tương tri rồi.

Yêu Ly

Ngài quá dạy (trỏ ghế)
Xin mình son chiếu cỏ.
Rước chư-vị tạm ngồi trên ghế cỏ.

Quân Sư Võ Tướng (ngồi)

Cảm ơn ngài

***

Yêu Ly

Thưa kẻ tiểu-sinh đạng
Sống sướng đây nhưng đạ vẫn bàng hoàng.
Rồng xuống giếng hậu tình trong cũ cảnh.
Cũng ngài vốn ngu sinh chưa gặp gỡ.
Thấy tôn-nhân bằng bố ngỡ chưa hay.
Dám thưa ngài, lời ngọc hãy ban ra,
Bần-sĩ đội ơn sâu ngài trọn kiếp (vái)

Ngô-hạp-Lư

Ngài an tọa (Yêu-Ly ngồi)
Thưa vâng, chưa có dịp.
Mất phượng-hoàng để ngó tới chim sâu.
Nhưng biết ngài vàng đá biết tử lâu,
Lòng nguỡng mộ từ xưa nay mới thỏa.

Yêu Ly.

Ôi hổ thẹn với câu ngài dạy quá.

Ngô-hạp-Lư.

Thưa tiên sinh, tôi là chúa chư hầu,
Tiên vương xưa bỏ mạng lại đất Tào
Là muốn nhường ngai vàng cho Quỷ hát. (1)
Vương Liêu chẳng trọng vong-hồn kẻ thác
Cướp ngôi vua nên thế-tử là tôi
Trước cảnh khổ-đau không nỡ yên ngồi,
Lên ngôi báu trước bãi hùng sông gió —

Yêu Ly (sụp lạy)

A Ngô-Chủ ! thôi hàn sinh quá khờ !

Ngô-hạp Lư. (dỡ Yêu Ly dậy)

Nhà Châu suy thiên hạ nổi binh-đao.
Nước Ngô ta, ngài ẩ suốt trong trào
Nhờ ơn trên chỉ giáo xuống ngu này
Biết duyên sự khiến ngài chơi lộ-rả,
Và quỷ tánh... kẻo lòng e ngại quá.
Bụi trần-hải chắc đến tự miền xa.

Xem Đông chu liệt quốc, quyển 2

Nơm-nớp sợ nỗi hung-tàn chinh-chiến,
Tôi lên ngai, ấy lòng trời đã khiến.
Nhưng
Bên Ngã-thành, Khánh-kỳ con Vương-liêu.
Ngày đêm lo chiêu nạp tướng binh nhiều
Hòng gây loạn theo chân cha thuở trước.
Tình huyết-thống, đi rời nhau một bước
Còn đau thay, nữa là giết đâm nhau...
Tay cầt tay, Ngô chẳng rỡ tâm nào,
Nhưng Khánh quyết đem binh về chiếm đất.
Nhìn sông núi, lòng tôi như dao cắt
Khi tưởng xa đến ngày nọ suy-vong,
Giao sơn hà cho lũ kiến, bầy ong
Giành xâu-xé không gớm xương máu đổ

Yên-Ly.

Tâu Ngô chủ, say bần sinh mới rõ.
Xin lượng trời tha tội kẻ ngu-dân.
Long-nhan xin chưa được thấy một lần,
Không thấu-đáo nỗi dạ rộng lo-lắng.
Gặp Ngô-gia, phước trong đời may mắn;
Rõ sự-tình, thần-tử xiết đau thương.
Chưa dẫn quỳ dưới bệ ngọc quân-vương
Tội đáng chết, chỉ cầu ơn lượng biển.

Ngô hạp Lư

Ngài nhọc dạ làm chi cho nặng tiếng
Giữa nhân-gian soi được mấy người hiền
Tôi gặp ngài như Rồng nọ lên Tiên
Chỉ mong lúc quay về không tủi hổ.

Yên Ly.

Tâu Ngô-chúa, xin lời vàng phán rõ
Lúc quay về e bắt tại điều chi?

Ngô-hạp-Lư

Tôi ngại-ngùng, tuy từ lâu xét xuy.

Yên Ly.

Xin chúa phán, ngu sẽ đầu lĩnh ý.

Ngô-hạp-Lư

Ngô ra đi, nghĩa là ngô quyết chí;
Đến nơi rồi lời hỗng khó lên môi...
Thôi Quân-sư ngài nói hộ lời tôi

(Còn nữa)

LƯU-QUANG-THUẬN

TRI-TÂN TẠP-CHÍ
RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC Số 204

Tinh thần chiến đấu... *Long-Điền*
Cuộc hội nàm với ông Bộ trưởng bộ Quốc gia giáo dục *Phạm-mạnh-Phan*
Pháp và Việt-nam... *Nam Phương Phật*
Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXXXIII) *Nguyễn-văn-Tố*
Dân tộc Việt nam rất đủ tư cách để tự trị (hết) *Vũ-bội-Liên*
An nam đô hộ (hết) *Nguyễn-xuân-Vũn*
Những ông nghè triều Lê (CXV) *Ứng-hòe*
Kịch yên-ly (III) *Lưu-quang-Thuận*

***

GIÁ BÁO

Một năm	55$00
Sáu tháng	30,00
Ba tháng	15,00
Một số	1,20

***

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chanceaulme — Hà-nội

***

Đại lý Uỷ Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-đất — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cừ 40, phố Đông kiều — Hải-dương

TRI TAN TẠP-CHI VAN-HÓA : Do nghị định của U. B. N. D. B. B. ngày 7 tháng chín 1945
Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-Tường-Phượng Nhà in Tri-Tân số 95—97 phố Đông Tân Hanoi